ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 113/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 6 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ I năm học 2017 – 2018

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGD ĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét miễn giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ I năm học 2017 – 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng HC-TC ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ đại học chính quy thuộc đối tượng chính sách học kỳ I năm học 2017-2018 trong đó:

1. Đối tượng được miễn 100% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 322 SV(có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 13 SV(có danh sách kèm theo)
2. Đối tượng được giảm 50% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 35 SV(có danh sách kèm theo)
3. Đối tượng được giảm 70% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 43 SV(có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 01 SV(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị có liên quan và những SV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Trần Xuân Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo QĐ số: 113/QĐ -ĐHKTCN ngày 6 tháng 12 năm 2017)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135520201163	Đặng Thanh	Ngọc	CBB-13	K49HTĐ.01	Điện
2	K135520201264	Nguyễn Hồng	Dương	CBB-13	K49HTĐ.01	Điện
3	K135520201087	Diệp Văn	Hùng	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
4	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
5	K135520201199	Thào A	Cở	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
6	K135520201295	Triệu A	Pù	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
7	K135520201118	Thào A	Tủa	HNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
8	K125580205061	Hà Thị	Thảo	MOCOI	K49HTĐ.01	Điện
9	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	CNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
10	K135520201064	Hoàng Thanh	Vinh	HNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
11	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hưng	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
12	K135520201142	Vy Tiến	Dũng	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
13	K135520201207	Ngô Văn	Đức	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
14	K135520201173	Chu Văn	Sơn	HNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
15	K135520201210	Phạm Thanh	Hà	CNGHEODT	K49KTĐ.03	Điện
16	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	HNGHEODT	K49KTĐ.03	Điện
17	K135520216006	Hoàng ánh	Dương	CNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
18	K135520216037	Hoàng Văn	Nhị	CNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
19	K135520216336	Uông Văn	Mạnh	CTB-08	K49TĐH.01	Điện
20	K135520216032	Lục Thị	Lanh	HNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
21	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
22	K135520216095	Lý Văn	Ngân	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
23	K135520216119	Trần Thị	Tuyên	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
24	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	HNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
25	K135520216155	Trương Văn	Lập	CBB-12	K49TĐH.03	Điện
26	K135520216156	Nguyễn Văn	Mạnh	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
27	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
28	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
29	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
30	K135520216141	Dương Thanh	Hải	CTB-08	K49TĐH.03	Điện
31	K135520216262	Trần Công	Thành	CBB-13	K49TĐH.04	Điện
32	K135520216249	Trần Văn	Phi	CNGHEODT	K49TĐH.04	Điện
33	K145520201182	Vũ Văn	Giang	HNGHEODT	K50HTĐ.01	Điện
34	K145520201006	Lý Trung	Đức	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
35	K145520201011	Lý Văn	Cương	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
36	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
37	K145520201071	Lý Tiến	Thành	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
38	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện

39	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	HNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
40	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	CNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
41	K145520201210	Lý Tiến	Ngọc	CNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
42	K145520201115	Phùng Văn	Huynh	HNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
43	K145520201124	Nguyễn Đức	Mạnh	HNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
44	K145520201132	Ngụy Văn	Phương	HNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
45	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	CNGHEODT	K50TĐH.02	Điện
46	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	HNGHEODT	K50TĐH.02	Điện
47	K145520216250	Đặng Văn	Nam	CBB-13	K50TĐH.03	Điện
48	K145520103262	Lý Hồng	Loan	CNGHEODT	K50TĐH.03	Điện
49	K145520216171	Đàm Hoàng	Nam	CNGHEODT	K50TĐH.03	Điện
50	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	CNGHEODT	K51HTĐ.01	Điện
51	K155520201153	Dương Thanh	Minh	CNHH	K51HTĐ.01	Điện
52	K135520201044	Nguyễn Xuân	Nguyên	CTB-08	K51HTĐ.01	Điện
53	K155520201226	Nguyễn Khắc	Thành	CTB-08	K51HTĐ.01	Điện
54	K155520201080	Diệp Văn	Hòa	CNGHEODT	K51KTĐ.01	Điện
55	K155520201083	Hoàng Thị	Huệ	CNGHEODT	K51KTĐ.01	Điện
56	K155520201017	Mai Xuân	Hào	CNHH	K51KTĐ.01	Điện
57	K155520201208	Lăng Tú	Khanh	CNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
58	K155520201225	Đào Duy	Thanh	CNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
59	K155520201214	Ngô Văn	Nam	CNHH	K51KTĐ.02	Điện
60	K155520201221	Trần Thị	Quế	HNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
61	K155520216006	Phùng Minh	Chí	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
62	K155520216046	Lương Văn	Sơn	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
63	K155520216273	Lường Thị	Định	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
64	K155520216071	Chu Thị	ánh	CNGHEODT	K51TĐH.02	Điện
65	K155520216116	Dương Trọng	Tấn	CNGHEODT	K51TĐH.02	Điện
66	K155520216184	Lâm Thị	Thao	CNGHEODT	K51TĐH.03	Điện
67	K155520216252	Bùi Văn	Thịnh	CNGHEODT	K51TĐH.04	Điện
68	K155520216222	Chu Văn	Hòa	MOCOI	K51TĐH.04	Điện
69	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	MOCOI	K51TĐH.04	Điện
70	K165520216067	Dương Thị	Châm	HNGHEODT	K52ĐKT.02	Điện
71	K165520201168	Đoàn Hải	Lương	CBB-13	K52KTĐ.01	Điện
72	K165520201002	Nguyễn Tiến	Anh	CLS-05	K52KTĐ.01	Điện
73	K165520201146	Nguyễn Văn	Đoàn	CNGHEODT	K52KTĐ.01	Điện
74	K165520201154	Hoàng Trung	Hiếu	CNGHEODT	K52KTĐ.01	Điện
75	K165520201189	Sầm Văn	Trung	CNGHEODT	K52KTĐ.02	Điện
76	K165520201195	Bùi Công	Tùng	CNGHEODT	K52KTĐ.02	Điện
77	K165520201073	Trần Xuân	Cường	CNHH	K52KTĐ.02	Điện
78	K165520201076	Phạm Văn	Duy	HNGHEODT	K52KTĐ.02	Điện
79	K165520216267	Tống Văn	Lâm	CBB-13	K52TĐH.02	Điện
80	K165520216163	Nguyễn Văn	Tâm	CBB-13	K52TĐH.03	Điện
81	K165520216154	Lưu Quang	Minh	CNGHEODT	K52TĐH.03	Điện
82	K165520216160	Ngô Đức	Quảng	CNGHEODT	K52TĐH.03	Điện

83	K165520216237	Giàng Thị	Máy	CNGHEODT	K52TĐH.03	Điện
84	K165520216133	Dương Thế	Đạt	CNHH	K52TĐH.03	Điện
85	K165520216182	Trần Xuân	Bảo	CNGHEODT	K52TĐH.04	Điện
86	K165520216238	Vi Thị	Trang	CNGHEODT	K52TĐH.04	Điện
87	K165520216177	Lâm Bùi Minh	Anh	CNHH	K52TĐH.04	Điện
88	K165520216223	Trịnh Mạnh	Thắng	CTB-08	K52TĐH.04	Điện
89	K175520201224	Vàng Go	Po	HNGHEODT	K53ĐĐT.01	Điện
90	K175520201078	Nguyễn Văn	Chiến	CBB-13	K53ĐĐT.02	Điện
91	K175520201085	Nguyễn Thị	Đông	CBB-13	K53ĐĐT.02	Điện
92	K175520201228	Triệu Quang	Linh	HNGHEODT	K53ĐĐT.02	Điện
93	K175520201156	Lâm Vĩnh	Doanh	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
94	K175520201163	Phan Thị Tiên	Hà	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
95	K175520201171	Vũ Ngọc	Hoan	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
96	K175520201203	Trịnh Văn	Tiến	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
97	K175520201193	Đỗ Dương Hồng	Nhật	CTB-08	K53ĐĐT.03	Điện
98	K175520201191	Trương Hoài	Nam	CTB-11	K53ĐĐT.03	Điện
99	K175520201197	Lò Văn	Sơn	DTI-DBKK	K53ĐĐT.03	Điện
100	K175520201194	Nông Long	Phúc	HNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
101	K175520201208	Dương Thanh	Tú	HNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
102	K175520216044	Ma Văn	Tài	CNGHEODT	K53ĐKT.01	Điện
103	K175520216043	Lữ Văn	Sơn	HNGHEODT	K53ĐKT.01	Điện
104	K175520216173	Nguyễn Thị	Trang	CNGHEODT	K53ĐKT.03	Điện
105	K175520216133	Nguyễn Đức	Hậu	CTB-08	K53ĐKT.03	Điện
106	K175520216203	Hoàng Đức	Khải	CNGHEODT	K53ĐKT.04	Điện
107	K175520216213	Dương Đức	Minh	CNHH	K53ĐKT.04	Điện
108	K175520216226	Đặng Văn	Thắng	HNGHEODT	K53ĐKT.04	Điện
109	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
110	K135520207009	Trần Văn	Giang	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
111	K135520207054	Nông Đức	Cảnh	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
112	K135520207060	Hoàng Ngọc	Hà	HNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
113	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyền	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
114	K135520114042	Từ Văn	Sáng	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
115	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
116	K135520114031	Nguyễn Đình	Kiên	CNHH	K49CĐT.01	Điện tử
117	K135520114079	Lê Văn	Hiếu	CTB-09	K49CĐT.01	Điện tử
118	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	HNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
119	K135520114017	Đàm Văn	Hào	MOCOI	K49CĐT.01	Điện tử
120	K135520207069	Lục Thị	Hiền	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
121	K135520207077	Phùng Thị	Miên	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
122	K135520207090	Nông Văn	Thọ	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
123	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	HNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
124	K135520207019	Vi Thị	Hợi	HNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
125	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	HNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
126	K135520214031	Quách Công	Huy	CNGHEODT	K49KMT.01	Điện tử

127	K135520214007	Đinh Tiến	Mỹ	CNHH	K49KMT.01	Điện tử
128	K135520214013	Nguyễn Anh	Tuấn	CTB-08	K49KMT.01	Điện tử
129	K135520214055	Nguyễn Duy	Thắng	CTB-08	K49KMT.01	Điện tử
130	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	HNGHEODT	K49KMT.01	Điện tử
131	K145520207091	Vũ Xuân	Tuân	CBB-14	K50ĐVT.01	Điện tử
132	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	CNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
133	K145520207073	Quàng Văn	Kháng	HNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
134	K145520207106	Lường Thị	Yến	HNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
135	K145520114026	Lê Hải	Lâm	CBB-13	K50CĐT.01	Điện tử
136	K145520114021	Hoàng Ngọc	Kiên	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
137	K145520114045	Hoàng Minh	Tâm	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
138	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyên	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
139	K145520114109	Hoàng Văn	Trường	CTB-08	K50CĐT.02	Điện tử
140	K145520207016	Lăng Thị	Hiển	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
141	K145520207051	Hoàng Thị	Trang	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
142	K145520207078	Trần Văn	Lý	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
143	K145520207121	Đặng Thị ánh	Hồng	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
144	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	CTB-08	K50KĐT.01	Điện tử
145	K145520207048	Lý Thị	Thùy	CTB-08	K50KĐT.01	Điện tử
146	K145520207004	Nông Thị	Chang	HNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
147	K145520214011	Hoàng Mạnh	Trường	CNGHEODT	K50KMT.01	Điện tử
148	K155520216037	Hoàng Văn	Nam	CNGHEODT	K51ĐĐK.01	Điện tử
149	K155520103318	Phạm Văn	Tú	CNGHEODT	K51CĐT.01	Điện tử
150	K155520114041	Mông Văn	Quang	HNGHEODT	K51CĐT.01	Điện tử
151	K155520114100	Lăng Văn	Lộc	CNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
152	K155520114085	Nguyễn Minh	Hiếu	CTB-08	K51CĐT.02	Điện tử
153	K155520114123	Hứa Tiên	Tiến	HNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
154	K155520207003	Hồ Thị Ngọc	ánh	CNGHEODT	K51KĐT.01	Điện tử
155	K155520207119	Hoàng Thị	Huyền	CNGHEODT	K51KĐT.01	Điện tử
156	K155520207038	Nguyễn Thị	Nhã	CNHH	K51KĐT.01	Điện tử
157	K155520214009	Ngô Thành	Tân	CTB-08	K51KMT.01	Điện tử
158	K155520214002	Đinh Văn	Dũng	HNGHEODT	K51KMT.01	Điện tử
159	K165520216202	Tạ Thu	Hương	CNGHEODT	K52ĐĐK.01	Điện tử
160	K165520216156	Lý Thị Bích	Ngọc	HNGHEODT	K52ĐĐK.01	Điện tử
161	K165520207030	Lâm Văn	Thế	CNGHEODT	K52ĐTT.01	Điện tử
162	K165520207032	Lục Văn	Toản	CNGHEODT	K52ĐTT.01	Điện tử
163	K165520207018	Phạm Tiến Bá	Ngọc	CTB-08	K52ĐTT.01	Điện tử
164	K165520114003	Hoàng Tuấn	Anh	CNGHEODT	K52CĐT.01	Điện tử
165	K165520114058	Đặng Văn	Thành	CNGHEODT	K52CĐT.01	Điện tử
166	K165520114012	Trần Văn	Dương	MOCOI	K52CĐT.01	Điện tử
167	K165520114140	Nguyễn Văn	Trường	CBB-13	K52CĐT.02	Điện tử
168	K165520114084	Lý Văn	Dũng	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
169	K165520114113	Mông Chí	Lương	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
170	K165520114139	Lý Văn	Trọng	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử

171	K165520114143	Lương Văn	Tuấn	CNHH	K52CĐT.02	Điện tử
172	K165520114200	Phùng Viết	Tài	CTB-09	K52CĐT.03	Điện tử
173	K165520214015	Trần Anh	Tuấn	CTB-08	K52KMT.01	Điện tử
174	K175520207016	Bế Viết	Mạnh	CNGHEODT	K53ĐTT.01	Điện tử
175	K175520207026	Hoàng Thị	Thùy	CNGHEODT	K53ĐTT.01	Điện tử
176	K175520207048	Quan Văn	Khang	CNGHEODT	K53ĐTT.01	Điện tử
177	K175520114058	Trần Đức	Trà	CBB-13	K53CĐT.01	Điện tử
178	K175520114061	Lường Đình Ngọc	Tú	CNGHEODT	K53CĐT.01	Điện tử
179	K175520114141	Sùng A	Chư	HNGHEODT	K53CĐT.03	Điện tử
180	K175520114173	Dương Hồng	Phúc	HNGHEODT	K53CĐT.03	Điện tử
181	K175520114188	Đặng Hữu	Thuận	HNGHEODT	K53CĐT.03	Điện tử
182	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	CNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
183	K135520103054	Dương Văn	Thắng	CNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
184	K135520103105	La Văn	Khang	HNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
185	K135520103123	Hoàng Văn	Thái	CNGHEODT	K49CCM.02	Cơ khí
186	K135520103112	Đỗ Tiến	Mạnh	CTB-08	K49CCM.02	Cơ khí
187	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
188	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
189	K135520103224	Linh Văn	Công	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
190	K135520103268	Phan Văn	Tạ	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
191	K135520103219	Ma Công	Vương	HNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
192	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	CBB-12	K49CCM.04	Cơ khí
193	K135520103510	Bùi Văn	Thanh	CBB-13	K49CCM.04	Cơ khí
194	K135520103362	Triệu Văn	Việt	CNGHEODT	K49CCM.04	Cơ khí
195	K135520103420	Hoàng Thái	Sơn	CTB-09	K49CCM.04	Cơ khí
196	K135520103003	Lại Văn	Bảo	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
197	K135520103005	Lê Văn Lương	Chí	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
198	K135520103046	Hoàng Liên	Sơn	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
199	K135520103060	Lý Ngọc	Tú	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
200	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
201	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	CTB-08	K49KTK.01	Cơ khí
202	K135520103113	Nông Văn	Năng	HNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
203	K135520103251	Hoàng Bảo	Khanh	HNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
204	K145520103077	Nguyễn Văn	Vĩnh	CBB-13	K50CCM.01	Cơ khí
205	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
206	K145520103006	Lục Sỹ	Bảo	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
207	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
208	K145520103037	Lâm Văn	Mai	HNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
209	K145520103151	Vũ Đình	Việt	CTB-08	K50CCM.02	Cơ khí
210	K145520103092	Giàng A	Giống	HNGHEODT	K50CCM.02	Cơ khí
211	K145520103101	Hoàng Văn	Hòa	HNGHEODT	K50CCM.02	Cơ khí
212	K145520103309	Đàm Văn	Hưng	CNGHEODT	K50CCM.03	Cơ khí
213	K145520103213	Nông Thẩm	Tuấn	HNGHEODT	K50CCM.03	Cơ khí
214	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí

215	K145520103285	Nguyễn Anh	Tú	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
216	K145520103282	Chu Thanh	Tùng	HNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
217	K145520103371	Nguyễn Văn	Phán	CNHH	K50CCM.05	Cơ khí
218	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
219	K145520309017	Nguyễn Thành	Đăng	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
220	K145520309032	Hoàng Văn	Ly	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
221	K145520309040	Triệu Văn	Bính	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
222	K145520309022	Lâm Văn	Duy	HNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
223	K145520103024	Lê Đình	Hoàng	CBB-12	K50KC.01	Cơ khí
224	K155520103058	Hoàng Thanh	Thượng	CNGHEODT	K51KC.01	Cơ khí
225	K155520103108	Phó Đình	Long	CNGHEODT	K51KC.02	Cơ khí
226	K155520103138	Bùi Văn	Tùng	CNGHEODT	K51KC.02	Cơ khí
227	K155520103130	Hoàng Văn	Toàn	HNGHEODT	K51KC.02	Cơ khí
228	K155520103159	Dương Văn	Dương	CNGHEODT	K51KC.03	Cơ khí
229	K155520103185	Hoàng Văn	Pao	CNGHEODT	K51KC.03	Cơ khí
230	K155520103210	Nguyễn Đức	Tuyên	CTB-08	K51KC.03	Cơ khí
231	K155520103199	Triệu Văn	Thực	HNGHEODT	K51KC.03	Cơ khí
232	K155520103321	Lê Thanh	Tùng	CNGHEODT	K51KC.05	Cơ khí
233	K155520103294	Nguyễn Thành	Đạt	CTB-08	K51KC.05	Cơ khí
234	K155520103310	Nông Thị	Tâm	HNGHEODT	K51KC.05	Cơ khí
235	K165520103068	Bùi Duy	Bình	CNGHEODT	K52KC.02	Cơ khí
236	K165520103096	Lương Văn	Luân	CNGHEODT	K52KC.02	Cơ khí
237	K165520103101	Ma Viết	Ngọc	HNGHEODT	K52KC.02	Cơ khí
238	K165520103159	Hoàng Thị	Linh	CTB-08	K52KC.03	Cơ khí
239	K165520103203	Nguyễn Văn	Dương	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
240	K165520103249	Nguyễn Văn	Tuân	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
241	K165520103250	Hoàng Anh	Tuấn	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
242	K165520103263	Lục Văn	Dần	CNGHEODT	K52KC.05	Cơ khí
243	K165520103274	Nguyễn Khắc	Phước	CTB-08	K52KC.05	Cơ khí
244	K175520103029	Trần Giang	Nam	CNGHEODT	K53KC.01	Cơ khí
245	K175520103161	Hà Hoài	Lâm	CNGHEODT	K53KC.02	Cơ khí
246	K175520103112	Hà Công	Hoàng	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
247	K175520103136	Hà Ngọc	Thịnh	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
248	K175520103145	Phương Văn	Vũ	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
249	K175520103141	Hà Minh	Tuấn	MOCOI	K53KC.03	Cơ khí
250	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
251	K145510205055	Nông Minh	Thượng	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
252	K145510205003	Lê Khắc	Đại	CTB-08	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
253	K145510205031	Sầm Văn	Lương	HNGHEODT	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
254	K145510205052	Lò Văn	Tính	HNGHEODT	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
255	K135520103267	Hoàng Ngọc	Sơn	CNGHEODT	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
256	K135520103188	Nguyễn Văn	Lực	CTB-08	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
257	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	HNGHEODT	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
258	K135520103361	Lương Văn	Vương	HNGHEODT	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL

259	K145520103209	Lý Văn	Tú	CNGHEODT	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
260	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	CNGHEODT	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
261	K145520103307	Đỗ Xuân	Trưởng	CTB-08	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
262	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	HNGHEODT	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
263	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
264	K155510205034	Phùng Đức	Mạnh	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
265	K155510205048	Mông Chí	Thi	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
266	K155510205068	Lăng Văn	Thận	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
267	K155510205040	Dương Ngọc	Nguyên	CTB-10	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
268	K155510205061	Lường Thanh	Tuyên	HNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
269	K165510205002	Nguyễn Quang	Anh	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
270	K165510205014	Dương Quang	Đạt	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
271	K165510205026	Lý Tuấn	Hữu	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
272	K165510205057	Lương Xuân	Thượng	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
273	K175510205009	Đặng Văn	Đức	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
274	K175510205026	Ma Khắc	Linh	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
275	K175510205052	Ma Quốc	Việt	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
276	K175510205003	Lê Thông	Cẩn	HNGHEODT	K53CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
277	K175510205033	Lý Trung	Nhật	HNGHEODT	K53CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
278	K175510205102	Đàm Văn	Tú	CNGHEODT	K53CN-KTO.02	KT Ôtô & MĐL
279	K175510205065	Nguyễn Đại	Dương	CNHH	K53CN-KTO.02	KT Ôtô & MĐL
280	K175510205076	Lê Văn	Huy	HNGHEODT	K53CN-KTO.02	KT Ôtô & MĐL
281	K175510205081	Cử Mí	Lùng	HNGHEODT	K53CN-KTO.02	KT Ôtô & MĐL
282	K175510205090	Bùi Văn	Quyết	HNGHEODT	K53CN-KTO.02	KT Ôtô & MĐL
283	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	CTB-08	K50AP.I	Quốc tế
284	K145520114070	Đặng Quốc	Cường	HNGHEODT	K50AP.I	Quốc tế
285	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	CNGHEODT	K50AP.M	Quốc tế
286	K175905228019	La Thanh	Kiên	CBB-13	K53AP.I	Quốc tế
287	K145510301012	Bùi Duy	Nghĩa	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
288	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
289	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
290	K145510301095	Trần Văn	Huynh	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
291	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
292	K145510301091	Nông Thị	Hoa	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
293	K145510301110	Lục Văn	Thạo	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
294	K145510202003	Nông Văn	Hà	CNGHEODT	K2 CN-CTM.01	Sư phạm KT
295	K155510202010	Giàng A	Phương	HNGHEODT	K51CN-CTM.01	Sư phạm KT
296	K155510202009	Hoàng Hải	Phong	MOCOI	K51CN-CTM.01	Sư phạm KT
297	K165510301022	Hoàng Duy	Khiêm	HNGHEODT	K52CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
298	K165510202023	Quách Văn	Vương	CNGHEODT	K52CN-CTM.01	Sư phạm KT
299	K175510301004	Bàn Văn	Chung	HNGHEODT	K53CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
300	K175510202007	Phạm Phúc	Phong	CNGHEODT	K53CN-CTM.01	Sư phạm KT
301	K135520320024	Ma Văn	Hợi	CNGHEODT	K49KTM.01	XD và MT
302	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	CNGHEODT	K49KTM.01	XD và MT

303	K135520320014	Nguyễn Thị	Giang	CTB-08	K49KTM.01	XD và MT
304	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	HNGHEODT	K49KTM.01	XD và MT
305	K135520103082	Lê Văn	Duy	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
306	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
307	K135580201035	Hoàng Văn	Phúc	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
308	K135580201037	Lô Văn	Tâm	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
309	K135580201043	Sình A	Trống	HNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
310	K135580201056	Trần Văn	Bảo	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
311	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
312	K135580201065	Triệu Đình	Đề	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
313	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
314	K135580201098	Ma Văn	Tuân	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
315	K135580201160	Đào Thị	Thư	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
316	K135580201078	Nguyễn Văn	Khánh	CTB-08	K49KXC.02	XD và MT
317	K135580201161	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	CTB-08	K49KXC.02	XD và MT
318	K135580201081	Phạm Đức	Luận	HNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
319	K145520320006	Lường Thị	Anh	CNGHEODT	K50KTM.01	XD và MT
320	K145520320004	Hoàng Cao	An	CTB-08	K50KTM.01	XD và MT
321	K145905218001	Ma Công	An	CNGHEODT	K50KXC.01	XD và MT
322	K145580201018	Lê Duy	Hoài	CTB-08	K50KXC.01	XD và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135510604140	Hà Thị	Nở	HNGHEODT	K50KTN.01	Kinh tế CN
2	K145510604059	Lăng Thị	Mơ	HNGHEODT	K50KTN.01	Kinh tế CN
3	K145510601015	Hoàng Thị	Ngọc	CNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
4	K145510601013	Dương Đức	Mạnh	HNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
5	K145510601037	Nông Thị	Hường	HNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
6	K155510601004	Triệu Thị	Quyến	CNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
7	K155510604007	Lê Thành	Giang	CNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
8	K155510604028	Hà Quyết	Thức	CTB-08	K51KTN.01	Kinh tế CN
9	K155510604011	Phùng Văn	Hoàng	HNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
10	K165510604003	Lương Thị	Huế	CNGHEODT	K52KTN.01	Kinh tế CN
11	K175510604013	Ma Thị Hạ	Mai	CNGHEODT	K53KTN.01	Kinh tế CN
12	K175510604001	Hoàng Mỹ	Hảo	HNGHEODT	K53KTN.01	Kinh tế CN
13	K175510601009	Triệu Phương	Thúy	CNGHEODT	K53QLC.01	Kinh tế CN

Ấ n định danh sách : 322 sinh viên khối ngành kỹ thuật và 13 sinh viên khối ngành kinh tế.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 50% HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo QĐ số: 113/QĐ -ĐHKTCN ngày 6 tháng 12 năm 2017)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135520216025	Nguyễn Việt	Hoàng	BNN	K49TĐH.01	Điện
2	K135520216130	Nguyễn Tùng	Dương	BNN	K49TĐH.03	Điện
3	K135520216122	Đỗ Việt	Anh	TNLĐ	K49TĐH.03	Điện
4	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	BNN	K50HTĐ.01	Điện
5	K145520216122	Mạc Anh	Tuấn	BNN	K50TĐH.02	Điện
6	K155520201071	Hoàng Minh	Đức	TNLĐ	K51HTĐ.01	Điện
7	K165520201016	Nông Mạnh	Đức	BNN	K52HTĐ.01	Điện
8	K165520201043	Lưu Văn	Phương	TNLĐ	K52KTĐ.01	Điện
9	K175520201117	Lê Công	Minh	TNLĐ	K53ĐĐT.02	Điện
10	K175520216248	Nguyễn Minh	Thương	TNLĐ	K53ĐKT.01	Điện
11	K135520201138	Nguyễn Đức	Cường	TNLĐ	K49KMT.01	Điện tử
12	K145520216036	Phạm Quang	Mạnh	TNLĐ	K50ĐĐK.01	Điện tử
13	K145520207014	Dương Hồng	Hạnh	BNN	K50ĐVT.01	Điện tử
14	K145520207107	Trịnh Đức	Anh	TNLĐ	K50KĐT.01	Điện tử
15	K155520207071	Phạm Khánh	Dương	BNN	K51ĐVT.01	Điện tử
16	K155520207103	Trần Ngọc	Sơn	BNN	K51KĐT.01	Điện tử
17	K165520216029	Ngô Quang	Huy	TNLĐ	K52ĐĐK.01	Điện tử
18	K165520114177	Trần Đức	Huy	TNLĐ	K52CĐT.03	Điện tử
19	K165520214019	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	TNLĐ	K52KMT.01	Điện tử
20	K175520114205	Nguyễn Trung	Kiên	BNN	K53CĐT.01	Điện tử
21	K135520103234	Bùi Minh	Đức	BNN	K49CCM.03	Cơ khí
22	K135520103480	Nguyễn	Khánh	BNN	K49CCM.04	Cơ khí
23	K145520103053	Nguyễn Bảo	Tùng	BNN	K50CCM.01	Cơ khí
24	K155520103219	Vũ Mạnh	Cường	BNN	K51KC.04	Cơ khí
25	K155520216221	Phạm Minh	Hiếu	BNN	K51KC.01	Cơ khí
26	K155520103042	Thái Phương	Nam	TNLĐ	K51KC.01	Cơ khí
27	K155520103333	Vũ ánh	Dương	TNLĐ	K51KC.05	Cơ khí
28	K145520103157	Ngô Việt	Anh	TNLĐ	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
29	K165905218021	Hoàng Thanh	Tùng	BNN	K52AP.M	Quốc tế
30	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	TNLĐ	K51AP.M	Quốc tế
31	K145510202027	Nguyễn Thế	Anh	TNLĐ	K2 CN-CTM.01	Sư phạm KT
32	K135520320016	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	BNN	K49KTM.01	XD và MT
33	K135580201003	Nguyễn Quỳnh	Anh	BNN	K49KXC.01	XD và MT
34	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	TNLĐ	K50KTM.01	XD và MT
35	K145520320104	Nguyễn Tiến	Thuận	TNLĐ	K50KTM.01	XD và MT

Ấ n định danh sách : 35 sinh viên khối ngành kỹ thuật .

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo QĐ số: 113/QĐ -ĐHKTCN ngày 6 tháng 12 năm 2017)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135520201263	Trương Văn	Chính	DT-ĐBKK	K49HTĐ.01	Điện
2	K135520201004	Hoàng Văn	Cương	DT-ĐBKK	K49KTĐ.01	Điện
3	K135520216177	Lê Tuấn	Vũ	DT-ĐBKK	K49TĐH.03	Điện
4	K145520201032	Dương Văn	Huy	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
5	K145520201079	Lăng Văn	Văn	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
6	K155520201166	Ma Xuân	Thành	DT-ĐBKK	K51HTĐ.01	Điện
7	K155520201140	Đinh Văn	Hòa	DT-ĐBKK	K51KTĐ.01	Điện
8	K155510601005	Ma Thị	Hằng	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
9	K155520216241	Đỗ Hữu	Quang	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
10	K155520216298	Lường Văn	Thùy	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
11	K165520201081	Hoàng Văn	Đông	DT-ĐBKK	K52KTĐ.02	Điện
12	K165520216077	Trần Thị Thu	Hà	DT-ĐBKK	K52TĐH.02	Điện
13	K165520216214	Nguyễn Đức	Nhân	DT-ĐBKK	K52TĐH.04	Điện
14	K175520201007	Hoàng Doãn	Chung	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.01	Điện
15	K175520201057	Chu Tuấn	Thiên	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.01	Điện
16	K175520201127	Ôn Văn	Sơn	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.02	Điện
17	K175520201196	Nguyễn Đức	Quỳnh	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.03	Điện
18	K175520201206	Hoàng Văn	Trung	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.03	Điện
19	K145520207022	Hoàng Văn	Lộc	DT-ĐBKK	K50ĐVT.01	Điện tử
20	K155520114052	Lý A	Thảng	DT-ĐBKK	K51CĐT.01	Điện tử
21	K165520114135	Lê Xuân	Thiều	DT-ĐBKK	K52KMT.01	Điện tử
22	K175520207023	Đoàn Trọng	Thắng	DT-ĐBKK	K53ĐTT.01	Điện tử
23	K175520114204	Hoàng Ngọc	Lương	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
24	K175520114217	Long Thị	Nghĩa	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
25	K175520114203	Nguyễn Phương	Vũ	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
26	K175520114017	Phan Trung	Hiếu	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
27	K135520103209	Lý Thanh	Tùng	DT-ĐBKK	K49CCM.03	Cơ khí
28	K135520103264	Nông Văn	Phương	DT-ĐBKK	K49CCM.03	Cơ khí
29	K145520103045	Lương Văn	Phúc	DT-ĐBKK	K50CCM.01	Cơ khí
30	K155520103255	Lý A	Páo	DT-ĐBKK	K51KC.04	Cơ khí
31	K155520103275	Nguyễn Anh	Tuấn	DT-ĐBKK	K51KC.04	Cơ khí
32	K165520103063	Nguyễn Văn	Vũ	DT-ĐBKK	K52KC.01	Cơ khí
33	K175520103039	Lý Văn	Thành	DT-ĐBKK	K53KC.01	Cơ khí
34	K175520103090	Nguyễn Sỹ	Thủy	DT-ĐBKK	K53KC.02	Cơ khí
35	K175520103099	Giàng A	Chông	DT-ĐBKK	K53KC.03	Cơ khí
36	K175520103138	Chẩu Văn	Thụy	DT-ĐBKK	K53KC.03	Cơ khí
37	K175520103140	Vi Xuân	Trường	DT-ĐBKK	K53KC.03	Cơ khí
38	K145510205026	Sùng A	Hử	DT-ĐBKK	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL

39	K165510205006	Vàng Văn	Chìn	DT-ĐBKK	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
40	K175510205082	Hà Văn	Lưu	DT-ĐBKK	K53CN-KTO.02	KT Ôtô & MĐL
41	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	DT-ĐBKK	K2 CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
42	K155510301024	Lăng Trung	Kiên	DT-ĐBKK	K51CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
43	K165510301010	Nguyễn Văn	Gia	DT-ĐBKK	K52CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K145510604038	Triệu Văn	Tuấn	DT-ĐBKK	K50KTN.01	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 43 sinh viên khối ngành kỹ thuật và 1 sinh viên khối ngành kinh tế

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Trần Xuân Minh